

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN C
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 60/2018/HNGĐ-ST
Ngày 24-4-2018
V/v tranh chấp “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Anh Thư.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Đặng Thị Kim Xuyên.

2. Ông Võ Lâm Sơn.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn Kiệt, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện C.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa:
Bà Đoàn Thụy Thùy Trang – Kiểm sát viên.

Trong ngày 24 tháng 4 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 568/2017/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 11 năm 2017 về việc tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 37/2018/QĐXXST-HNGĐ, ngày 01 tháng 3 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Hồ Thị Á, sinh năm 1972 (Có mặt).

Cư trú: Tổ 01, ấp H, xã M, huyện C, tỉnh An Giang.

- Bị đơn: Ông Phạm Văn N, sinh năm 1969 (Vắng mặt).

Cư trú: Tổ 01, ấp H, xã M, huyện C, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, tờ tự khai và các biên bản hòa giải nguyên đơn bà Hồ Thị Á trình bày: Bà và ông Phạm Văn N chung sống với nhau vào năm 1991, có tổ chức lễ cưới nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định. Hôn nhân do mai mối và được cha mẹ đồng ý. Sau khi cưới nhau, sống hạnh phúc khoảng 05 năm thì xảy ra mâu thuẫn,

nguyên nhân do ông N thay đổi tính tình thường hay uống rượu, không quan tâm gia đình, bà có khuyên ngăn nhiều lần nhưng ông N không thay đổi, bà và ông N không còn chung sống hơn 07 năm nay. Nay nhận tình cảm vợ chồng không còn bà yêu cầu ly hôn với ông Phạm Văn N. Về quan hệ con chung: Bà và ông N có 03 con chung tên Phạm Thanh T, sinh năm 1992, Phạm Thị Kim K, sinh năm 1995 và Phạm Thanh B, sinh năm 1998, các con đã trưởng thành bà không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về quan hệ tài sản chung: Không có. Về quan hệ nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa bà A giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Bị đơn ông Phạm Văn N được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông N vẫn vắng mặt nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến và không hòa giải được.

Đại diện viện kiểm sát phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng. Về ý kiến giải quyết: bà Hồ Thị A và ông Phạm Văn N kết hôn năm 1991, không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật về hôn nhân và gia đình nên không được thừa nhận và bảo vệ. Căn cứ Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình, không công nhận bà A và ông N là vợ chồng.

- Về con chung: Có 03 con chung tên Phạm Thanh T, sinh năm 1992, Phạm Thị Kim K, sinh năm 1995 và Phạm Thanh B, sinh năm 1998, đã trưởng thành nên không đề cập đến.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có, nên không đề cập đến.

Từ phân tích trên, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình xem xét quyết định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Bà Hồ Thị A xin ly hôn với ông Phạm Văn N, ông N có nơi cư trú ấp H, xã M, huyện C, tỉnh An Giang nên Tòa án nhân dân huyện C thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 28, Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân năm 2015.

[2] Bị đơn ông Phạm Văn N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt. Căn cứ vào Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông N là có căn cứ.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Bà Hồ Thị A yêu cầu ly hôn với ông Phạm Văn N, bà A và ông N hai người chung sống với nhau như vợ chồng vào năm 1991 mà không

đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật cho nên quan hệ hôn nhân giữa hai người không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng, khi có yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn thì Tòa án không công nhận ông, bà là vợ chồng là phù hợp với Điều 14, Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về quan hệ con chung: Trong quá trình chung sống ông, bà có 03 (ba) con chung tên Phạm Thanh T, sinh năm 1992, Phạm Thị Kim K, sinh năm 1995 và Phạm Thanh B, sinh năm 1998. Các con đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

[5] Về quan hệ tài sản chung: Không có.

[6] Về quan hệ nợ chung: Không có.

[7] Án phí hôn nhân sơ thẩm: Đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng: Các Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 144, Điều 147, Điều 227 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

- Các Điều: 14, Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình 2014;
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận đơn khởi kiện của bà Hồ Thị Á đối với ông Phạm Văn N.

- Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận bà Hồ Thị Á và ông Phạm Văn N là vợ chồng.

- Về quan hệ con chung: Bà Hồ Thị Á, ông Phạm Văn N có 03 (ba) con chung tên Phạm Thanh T, sinh năm 1992, Phạm Thị Kim K, sinh năm 1995 và Phạm Thanh B, sinh năm 1998. Các con chung đã trưởng thành.

- Về quan hệ tài sản chung: Không có..

- Về quan hệ nợ chung: Không có. Ghi nhận bà Hồ Thị Á xác định không có nợ chung, nhưng sau khi quyết định ly hôn có hiệu lực pháp luật, nếu có nguyên đơn khởi kiện xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của ông, bà trong thời kỳ sống chung thì bà Hồ Thị Á và ông Phạm Văn N vẫn phải liên đới chịu trách nhiệm với tư cách đồng bị đơn trong vụ án dân sự khác.

Án phí hôn nhân sơ thẩm: 300.000 (ba trăm nghìn) đồng bà Hồ Thị Á phải chịu nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng

theo biên lai thu số 0014539 do Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh An Giang cấp ngày 06/11/ 2017. Bà A đã nộp đủ.

Đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM . HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Anh Thư

